| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**<br>**----------**<br>Số: 176/2026/QĐST-HNGĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------**<br>*Đà Nẵng, ngày 28 tháng 4 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 257/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

**-** Ông **Nguyễn Duy T**, sinh năm: 1987
Địa chỉ: C L, phường C, thành phố Đà Nẵng;
- Bà **Trần Thị Kim X**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: C L, phường C, thành phố Đà Nẵng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông Nguyễn Duy T và bà Trần Thị Kim X có đăng ký vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C (cũ), thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống đến năm 2026 phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không phù hợp, hay cãi vã và không có tiếng nói chung trong cuộc sống.

Đến nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được thuận tình ly hôn. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà X đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung tên Nguyễn P, sinh ngày 16/02/2008 và Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 13/4/2015. Thuận tình ly hôn, hai bên thống nhất thỏa thuận giao con Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 13/4/2015 cho bà Trần Thị Kim X được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông Nguyễn Duy T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng. Sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của ông bà là phù hợp pháp luật nên cần áp dụng Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

Riêng con Nguyễn P đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung;

[4] Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

[5] Lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Duy T và bà Trần Thị Kim X mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy T và bà Trần Thị Kim X thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên thống nhất thỏa thuận; giao con Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 13/4/2015 cho bà Trần Thị Kim X được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông Nguyễn Duy T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 28/4/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung;

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

**2.** Về lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Nguyễn Duy T và bà Trần Thị Kim X tự nguyện chịu. Ông T và bà X đã nộp đủ lệ phí theo biên lại số 0003784 ngày 14/4/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3- Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Khuê trung, quận Cẩm Lệ (nay là phường Cẩm Lệ), TP. Đà Nẵng; (Giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01, đăng ký ngày 13/7/2007);
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Lê Văn Lâm**